

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạ

Ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 357/2022/TLST - HS, ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc T (N) - Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Thu H; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Hoàng Minh H, sinh năm: 1996 và có 01 con sinh năm: 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Tại Quyết định số 142/2019 ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng. Ngày 3/6/2020 chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh H - Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Thợ điêu khắc; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh H

và con bà Vũ Thị N; Bị cáo có vợ là Phan Thị Thu H (đã ly hôn), sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án 138/2018/HSST ngày 06/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo kháng cáo. Tại bản án 267/2018/HSPT ngày 21/8/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm. Ngày 27/8/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án 12/HSST ngày 17/2/2004, bị Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/01/2005, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1971

Cư trú tại: Số nhà M, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thế A – Sinh năm: 1985

Cư trú tại: Số M, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Ông Phan Xuân L – Sinh năm: 1984

Cư trú tại: Số B, Buôn S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Bích T – Sinh năm: 1969

Cư trú tại: Số nhà M, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức H – Sinh năm: 1956

Cư trú tại: Số B, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

6. Bà Đoàn Thị M – Sinh năm: 1966

Cư trú tại: Số nhà B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị Thúy H – Sinh năm: 1974

Cư trú tại: Số nhà B, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

8. Bà Đoàn Hương G – Sinh năm: 1979

Cư trú tại: Số nhà S, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn C – Sinh năm: 1980

Cư trú tại: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

2. Ông Nguyễn Thanh T – Sinh năm: 1984

Cư trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

3. Bà Vũ Thị N – Sinh năm: 1950

Cư trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

4. Ông Nguyễn Thanh H – Sinh năm: 1948

Cư trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

5. Ông Trần Ngọc H – Sinh năm: 1957

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

6. Ông Đường Đức H – Sinh năm: 1984

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – VẮNG MẶT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2022, Nguyễn Thanh H cho Trần Ngọc T xem hình ảnh các đồ gốm sứ, cây cảnh, chậu cảnh và thỏa thuận với T khi chiếm đoạt được về bán lại cho H, thì T đồng ý. Sau đó, T đi đến các phần mộ tại khu vực Nghĩa trang thành phố B chiếm đoạt các tài sản đặt trong phần mộ, theo đúng hình ảnh mà H cung cấp rồi về bán lại cho H, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 5/2022, tại khu vực Nghĩa trang thành phố B. T đã một mình thực hiện 08 vụ xâm phạm mồ mả để chiếm đoạt các đồ vật, tài sản và cây cảnh đặt trong các phần mộ rồi mang về bán lại cho H, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 19 giờ một ngày giữa tháng 4/2022, T sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, gắn sim thuê bao số 0707.404.567, gọi đến số điện thoại 0974.411.179 của H hẹn ra khu vực đường Vành Đai thành phố B (gần Bệnh viện Nhi Đức Tâm) để mua bình gốm sứ trong Nghĩa trang thành phố B, thì H đồng ý. Sau đó, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 26526 đến ngôi mộ thuộc khu vực 2.3 tên ông Nguyễn Phi T và bà Bùi Thị T (là bố mẹ ruột của anh Nguyễn Văn H) trong Nghĩa trang thành phố B. Tại đây, T đi vào bên trong giữa 02 ngôi mộ chiếm đoạt 01 bình bằng gốm, màu xanh trắng và 01 bình bằng gốm, màu trắng. Sau đó, T mang 02 bình gốm đi ra điếm hẹn gặp H. Khoảng 15 phút sau, anh Nguyễn Thanh T (em trai của H) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám, biển số 47H1 – 59247 chở H đến gặp T. Tại đây, H và T thỏa thuận mua bán với giá là 2.000.000 đồng và H đưa T số tiền 1.400.000 đồng (trừ 600.000 đồng mà T nợ H trước đó). Sau khi mua 02 bình gốm sứ thì H mang về nhà mình, ở địa chỉ: Tổ dân phố Q, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Số tiền bán 02 bình gốm sứ, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 6/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 bình bằng gốm, màu xanh trắng, cao 90cm, đường kính 14-38cm, chạm trổ hình rồng màu vàng, trị giá 2.200.000 đồng; 01 bình bằng gốm, màu trắng, cao 30cm, đường kính 11-23cm, trạm chổ hình non nước, trị giá 300.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ một ngày giữa tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 26526 đi đến ngôi mộ số lô 374 thuộc khu vực 2.5B tên ông Nguyễn Việt T (là bố ruột của anh Nguyễn Thế A), tại Nghĩa trang thành phố B và chiếm đoạt 02 chậu cây hoa giấy để trước ngôi mộ. T chở 02 chậu hoa giấy về nhà T, ở địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B cất giấu. Sau đó, T và H thỏa thuận mua bán với nhau nhưng H chưa đến chở nên chưa tiến hành giao dịch được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 6/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 02 chậu hoa giấy cùng có đặc điểm: Chậu xi măng hình tròn, sơn đỏ cao 30cm, đường kính miệng chậu 60cm, đường kính đáy chậu 30cm; hoa giấy cao 80cm, bông giấy tán tròn, đường kính tán chổ rộng nhất 50cm, đường kính gốc 3cm, trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ một ngày giữa tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 265.26 đi đến ngôi mộ số lô B thuộc khu vực M tên ông Phan Văn Đ (là bố ruột của anh Phan Xuân L) trong Nghĩa trang thành phố B, chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen, gồm: 01 cái bàn có mặt bàn nguyên khối hình hộp chữ nhật, có chân hình trụ chữ nhật; 02 cái ghế gỗ nguyên khối hình trụ bát giác. Sau đó, T chở về nhà ở địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B cất giấu. Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Lim xẹt, màu vàng đen gồm: 01 cái bàn có mặt bàn nguyên khối hình hộp chữ nhật kích thước (60x50x10)cm và 01 chân hình trụ chữ nhật kích thước (65x20x10)cm; 02 cái ghế gỗ nguyên khối hình trụ bát giác, kích thước (30x38)cm, trị giá 6.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 23 giờ một ngày giữa tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 265.26 đi đến ngôi mộ thuộc khu vực 1B2 tên ông Nguyễn Hoài K (là chồng của bà Nguyễn Thị Bích T) trong Nghĩa trang thành phố B Thuột, chiếm đoạt 01 bình hoa sen bằng gỗ, trên bình có gắn nhiều bông hoa sen và 02 cái ghế đôn bằng gốm sứ màu trắng. sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang về nhà ông Trần Văn C (là chú của T), địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, gửi nhờ. Sau đó, T và H thỏa thuận mua bán 02 cái đôn với nhau nhưng H chưa đến chở nên chưa tiến hành giao dịch được. Đối với 01 bình hoa sen bằng gỗ, Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

01 bình hoa sen bằng gỗ Muồng, đường kính 20cm, cao 25cm, trên bình có gắn nhiều bông hoa sen cao 50cm; 02 cái ghế đôn bằng gốm sứ, màu trắng, đường kính 30cm, cao 50cm, trị giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 22 giờ một ngày gần cuối tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 265.26 đi đến ngôi mộ số lô 238 thuộc khu vực 1B2 tên bà Võ Thị T (là vợ của ông Nguyễn Đức H) trong Nghĩa trang thành phố B, chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen gồm: 01 bàn có mặt bàn hình chữ nhật và 02 đôn bằng gỗ hình tròn. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang 02 cái đôn bằng gỗ hình tròn về nhà mình cất giấu, còn 01 bàn có mặt bàn T mang qua nhà ông Trần Văn C gửi nhờ. Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán bộ bàn ghế bằng gỗ với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen, gồm: 01 cái bàn bằng gỗ loại thông thường, có mặt bàn hình chữ nhật, kích thước (65x37x12)cm, cao là 90cm; 02 cái đôn bằng gỗ xà cừ, hình tròn, đường kính 28cm, cao 48cm, trị giá 4.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ rạng sáng một ngày gần cuối tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 26526 đi đến ngôi mộ thuộc khu vực M tên ông Lê Hồng Q (là chồng của bà Đoàn Thị M) trong Nghĩa trang thành phố B, chiếm đoạt 01 cái gạt tàn thuốc bằng gỗ màu nâu và 01 chậu hoa ngũ sắc. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang về nhà ở địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B cất giấu. Sau đó, T đã nhắn tin thỏa thuận bán cho H chậu hoa ngũ sắc, nhưng chưa gặp mặt để thống nhất giá cả và giao dịch mua bán được với nhau. Đối với gạt tàn thuốc, Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 6/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chậu hoa ngũ sắc: Chậu bằng sành, màu nâu đỏ hình vuông, cao 40cm, miệng chậu kích thước 10x10cm; hoa có chiều cao từ gốc đến ngọn 1m, thân gốc đường kính 5cm, trị giá 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 cái gạt tàn thuốc bằng gỗ giáng hương, kích thước 10x5cm, trị giá 100.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 22 giờ một ngày cuối tháng 4/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 26526 đi đến ngôi mộ số lô 352 thuộc khu vực 1E tên bà Nguyễn Thị H (là mẹ của chị Nguyễn Thị Thúy H) trong Nghĩa trang thành phố B, chiếm đoạt 01 bức tranh thêu có khung bằng gỗ, màu nâu đen, mặt kính bên ngoài, bên trên bức tranh có thêu những dòng chữ có nội dung về mẹ và hình chiếc nón màu vàng, hoa sen màu hồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang về nhà ở địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B cất giấu. Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán bức tranh với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 bức tranh

thêu có khung bằng gỗ, màu nâu đen, mặt kính bên ngoài, có kích thước (40x87)cm, bên trên bức tranh có thêu những dòng chữ có nội dung về mẹ và hình chiếc nón màu vàng, hoa sen màu hồng, trị giá 1.000.000 đồng. (BL: 45-51)

Vụ thứ 8: Vào khoảng 22 giờ một ngày đầu tháng 5/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 265.26 đi đến ngôi mộ số lô 555-556 thuộc khu vực M tên chị Bùi Thị N (là vợ của anh Đoàn Hương G) trong Nghĩa trang thành phố B, chiếm đoạt 02 ghế bằng gỗ màu đen có 3 chân, trên mỗi ghế đều có khắc chữ “555-556 LÔ E” và 01 chậu sành màu nâu đen hình chữ nhật. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang về nhà ở địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B cất giấu. Nguyễn Thanh H không thừa nhận thỏa thuận mua bán ghế gỗ và chậu sành với T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 02 cái ghế bằng gỗ muông đen, cao 30cm, mặt ghế hình tròn, đường kính 30cm, dày 3cm, có 3 chân, trên mỗi ghế đều có khắc chữ “555-556 LÔ E”; 01 chậu sành màu nâu đen hình chữ nhật, kích thước (30x40x9)cm, trị giá 2.200.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như nội dung trên, các bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 363/CT-VKS - HS ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Thanh H, về tội: “Xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phân tích đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản cáo trạng số 363/CT-VKS - HS ngày 29/11/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 319; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 319; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Các biện pháp tư pháp: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại tài sản cho các đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại và trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu xanh, mang biển số: 47B2 – 265.26 cho ông Trần Văn C. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu đen, gắn sim số: 0974.411.179 của bị cáo Nguyễn Thanh H và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, gắn sim số: 0707.404.567 của bị cáo Trần Ngọc T.

Truy thu số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo Trần Ngọc T bán 02 bình gốm sứ cho bị cáo Nguyễn Thanh H mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người đại diện cho gia đình bị hại; phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 4 năm 2022 đến tháng 5 năm 2022, bị cáo Trần Ngọc T và bị cáo Nguyễn Thanh H đã thỏa thuận thống nhất với nhau để cho T vào khu vực Nghĩa trang thành phố B chiếm đoạt những đồ vật để ở trên các phần mộ rồi mang về bán cho lại cho bị cáo Nguyễn Thanh H. Cụ thể: Bị cáo T đã 8 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên các ngôi mộ gồm bình gốm, chậu, cây hoa, tranh treo tường, bàn, ghế để trên mộ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 20.700.000 đồng và đã bán lại cho bị cáo H 02 bình gốm, còn lại các tài sản chiếm đoạt khác chưa kịp bán lại thì bị bắt giữ. Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Thanh H, đã phạm tội: “Xâm phạm mồ mả” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Thanh H về tội “Xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo chỉ chiếm đoạt các tài sản trên các phần mộ nên cần xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Xâm phạm mồ mả” để xét xử các bị cáo là phù hợp, đảm bảo đúng pháp luật.

Điều 319 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đào, phá mồ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc có hành vi khác xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”

[2] Xét tính chất vụ án do các bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Thanh H gây ra là nguy hiểm và gây tác hại xấu nhiều mặt cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp chiếm đoạt tài sản trên mồ mả của người chết, xâm phạm mồ mả, xâm phạm phong tục tập quán, truyền thống đạo đức, nếp sống văn hóa xã hội. Chỉ vì tham lam tư lợi các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Nên đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân lương thiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự. Bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo. Bởi vì, hành vi phạm tội của các bị cáo có đơn trình báo mất tài sản của nhân viên bảo vệ nghĩa trang thành phố B và các đại diện gia đình bị hại.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các ông, bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế A, Phan Xuân L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Đức H, Đoàn Thị M, chị Nguyễn Thị

Thúy H và Đoàn Hương G không yêu cầu các bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Thanh H bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu xanh, biển số: 47B2 – 265.26 bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình xác minh xác định, là tài sản của ông Trần Văn C, ông C mua lại của anh Đường Đức H. Ông C cho bị cáo T mượn đi lại, việc bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội ông C không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý đối với ông C và ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông C, ông C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra xác định: 01 cái bình bằng gốm màu xanh trắng cao 90cm, đường kính 14-38cm, trạm chỗ hình rồng màu vàng và 01 cái bình bằng gốm màu trắng cao 30cm, đường kính 11-23cm, chạm trổ hình non nước, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H; 02 chậu hoa giấy cùng có đặc điểm: Chậu xi măng hình tròn sơn đỏ cao 30cm, đường kính miệng chậu 60cm, đường kính đáy chậu 30cm, hoa giấy cao 80cm, bông giấy tán tròn, đường kính tán chỗ rộng nhất 50cm, đường kính góc 3cm, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thế A; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ lim xet màu vàng đen gồm: 01 cái bàn có mặt bàn nguyên khối hình hộp chữ nhật kích thước (60x50x10)cm và 01 chân hình trụ chữ nhật kích thước (65x20x10)cm, 02 cái ghế gỗ nguyên khối hình trụ bát giác kích thước (30x38)cm, thuộc quyền sở hữu của ông Phan Xuân L; 01 cái bình hoa sen bằng gỗ muông đường kính 20cm, cao 25cm, trên bình có gắn nhiều bông hoa sen cao 50cm và 02 cái ghế đôn bằng gốm sứ màu trắng đường kính 30cm, cao 50cm, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thị Bích T; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen gồm: 01 cái bàn bằng gỗ loại thông thường có mặt bàn hình chữ nhật kích thước (65x37x12)cm, có chiều cao là 90cm và 02 cái đôn bằng gỗ xà cừ hình trống đường kính 28cm, cao 48cm, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức H; 01 chậu hoa ngũ sắc: Chậu bằng sành màu nâu đỏ hình vuông cao 40cm, miệng chậu kích thước 10x10cm, hoa có chiều cao từ gốc đến ngọn 1m, thân gốc đường kính 5cm và 01 cái gạt tàn thuốc bằng gỗ giáng hương kích thước 10x5cm, thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị M; 01 bức tranh thêu có khung bằng gỗ, màu nâu đen, mặt kính bên ngoài, có kích thước (40x87)cm, bên trên bức tranh có thêu những dòng chữ có nội dung về mẹ và hình chiếc nón màu vàng, hoa sen màu hồng, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thúy H; 02 cái ghế bằng gỗ muông đen cao 30cm, mặt ghế hình tròn đường kính 30cm, dày 3cm, có 3 chân, trên mỗi ghế đều có khắc chữ “555-556 LÔ E” và 01 chậu sành màu nâu đen hình chữ nhật, kích thước (30x40x9)cm, thuộc quyền sở hữu của ông Đoàn Hương G. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thế A, ông Phan Xuân L, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Đức H, bà Đoàn Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Đoàn Hương G, nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu đen, gắn sim số: 0974.411.179 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, gắn sim số: 0707.404.567. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện các bị cáo Trần

Ngọc T và Nguyễn Thanh H là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo T sử dụng phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo Trần Ngọc T bán 02 bình gốm sứ cho bị cáo Nguyễn Thanh H là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Trong vụ án còn có Nguyễn Thanh T là người điều khiển xe mô tô biển số 47H1 – 59247 chở bị cáo Nguyễn Thanh H đi mua 02 bình gốm sứ. Ông Trần Văn C là người cho bị cáo Trần Ngọc T gửi nhờ các tài sản do phạm tội mà có. Ông Nguyễn Thanh H và bà Vũ Thị N là bố, mẹ của bị cáo H và là người ở cùng nhà với bị cáo H. Quá trình điều tra xác định: Anh T không biết 02 bình gốm sứ là tài sản phạm tội mà có; ông Trần Văn C không biết các tài sản bị cáo T gửi nhờ tại nhà mình là tài sản do phạm tội mà có; ông Nguyễn Thanh H và bà Vũ Thị N không biết 02 bình gốm sứ mà bị cáo H để tại nhà mình là tài sản là do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Ngọc T, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp và không có yêu cầu gì.

Đối với người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực đường A, thành phố B là người bán ma túy cho bị cáo T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[6] Xét quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của các bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên các bị cáo, không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 319; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh H.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc T (N), Nguyễn Thanh H đã phạm tội: “Xâm phạm mồ mả” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T (N) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu xanh, biển số: 47B2 – 26526 cho ông Trần Văn C. Trả lại 02 bình bằng gốm màu xanh trắng cho ông Nguyễn Văn H; 02 chậu hoa giấy hình tròn sơn đỏ, hoa giấy cao 80cm, bông giấy tán tròn, đường kính tán chỗ rộng nhất 50cm ông Nguyễn Thế A. Trả lại 01 bộ bàn ghế bằng gỗ lim xẹt màu vàng đen cho ông Phan Xuân L. Trả lại 01 cái bình hoa sen bằng gỗ muông, 02 cái ghế đôn bằng gốm sứ màu trắng cho bà Nguyễn Thị Bích T. Trả lại 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng đen cho ông Nguyễn Đức H. Trả lại 01 chậu hoa ngũ sắc: Chậu bằng sành màu nâu đỏ, hoa có chiều cao từ gốc đến ngọn 1m và 01 cái gạt tàn thuốc bằng gỗ giáng hương cho bà Đoàn Thị M. Trả lại 01 bức tranh thêu cho bà Nguyễn Thị Thúy H. Trả lại 02 cái ghế bằng gỗ Muông đen cho ông Đoàn Hương G, các chủ sở hữu đã nhận quản lý sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu đen, gắn sim số: 0974.411.179 của bị cáo Nguyễn Thanh H và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, gắn sim số: 0707.404.567 của bị cáo Trần Ngọc T.

Truy thu số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo Trần Ngọc T bán 02 bình gốm sứ cho bị cáo Nguyễn Thanh H mà có

(Vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa Công an thành phố B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Ngọc T (N), Nguyễn Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh, Công an TP.BMT;
- CCTHADSTP.BMT;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ Công TP.BMT;
- Sở tư pháp tỉnh ĐăkLăk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My